

Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và trong thời hạn chậm nhất từ nay đến hết quý III năm 1995 phải trình Chính phủ ban hành. Riêng đối với luật, pháp lệnh khác có quy định về xử phạt vi phạm hành chính thì các Bộ, ngành phải làm dự thảo văn bản sửa đổi trình Chính phủ để xem xét trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định nhằm bảo đảm tính thống nhất của hệ thống pháp luật trong xử lý vi phạm hành chính.

5. Đối với các lĩnh vực chưa có văn bản pháp luật quy định về xử phạt vi phạm hành chính thì các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ có trách nhiệm soạn thảo văn bản trình Chính phủ ban hành từ nay đến hết quý IV năm 1995:

a) Bộ Thủy lợi soạn thảo văn bản về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý đê điều và công trình thủy lợi;

b) Bộ Xây dựng soạn thảo văn bản về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý xây dựng, nhà cửa và quản lý công trình đô thị;

c) Tổng cục Địa chính soạn thảo văn bản về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai;

d) Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường soạn thảo văn bản về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

đ) Bộ Thương mại soạn thảo văn bản về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thương mại;

e) Bộ Giao thông vận tải soạn thảo văn bản về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý, bảo vệ các công trình giao thông;

g) Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội soạn thảo văn bản về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an toàn lao động;

h) Bộ Văn hóa - Thông tin soạn thảo văn bản về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa - thông tin;

i) Bộ Quốc phòng soạn thảo văn bản về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quốc phòng;

k) Ban Vật giá Chính phủ soạn thảo văn bản về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quản lý giá.

Ngoài những lĩnh vực nêu trên, các Bộ, ngành khác căn cứ vào yêu cầu quản lý Nhà nước, soạn thảo văn bản quy định về xử phạt vi phạm hành chính thuộc ngành mình quản lý để trình Chính phủ xem xét, ban hành.

6. Kể từ ngày 1 tháng 8 năm 1995 Hội đồng Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương không ban hành văn bản mới về xử phạt vi phạm

hành chính. Các văn bản pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính do Hội đồng Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành trước đây về những vấn đề mà Chính phủ chưa có văn bản quy định nếu không trái với Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính mới thì được tiếp tục thi hành cho đến khi Chính phủ có văn bản quy định về những vấn đề đó.

Đồng thời, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào thực tiễn và yêu cầu quản lý Nhà nước ở địa phương đề nghị Chính phủ xem xét, ban hành văn bản quy định về xử phạt vi phạm hành chính áp dụng ở địa phương mình.

7. Bộ Tư pháp giúp Chính phủ đôn đốc, kiểm tra, phối hợp với các Bộ, ngành hữu quan trong việc soạn thảo các văn bản pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

Bộ trưởng, Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo chặt chẽ và định kỳ 3 tháng một lần báo cáo lên Thủ tướng Chính phủ kết quả việc thực hiện Chỉ thị này.

Thủ tướng Chính phủ
VÔ VĂN KIẾT

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 470-TTg ngày 14-8-1995 về việc thành lập Trường Đại học Dân lập Hùng Vương.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Nghị định số 15-CP ngày 2-3-1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (Công văn số 2568-TCCB ngày 31-7-1995),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.- Cho phép thành lập Trường Đại học Dân lập Hùng Vương tại thành phố Hồ Chí Minh.

09648591

Điều 2. - Trường Đại học Dân lập Hùng Vương là cơ sở đào tạo đại học chịu sự quản lý Nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Trường có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Hệ thống văn bằng của Trường Đại học Dân lập Hùng Vương nằm trong hệ thống văn bằng quốc gia.

Điều 3. - Trường Đại học Dân lập Hùng Vương tổ chức và hoạt động theo luật pháp, theo Quy chế Đại học dân lập do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành và theo Điều lệ của trường do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt.

Điều 4. - Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

NGUYỄN KHÁNH

QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ số 484-TTg ngày 22-8-1995 về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành Truyền hình Việt Nam đến năm 2000 và những năm sau.

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Xét đề nghị của Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam tại các Tờ trình số 296-QH/TH ngày 27-4-1994 và số 491-QH/TH ngày 7-7-1995 và của Chủ tịch Hội đồng Thẩm định cấp Nhà nước tại Tờ trình số 1741-UB/VPTD ngày 3-5-1995,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. - Phê duyệt Quy hoạch phát triển ngành Truyền hình Việt Nam đến năm 2000 và những năm sau với những nội dung chính như sau:

1. Về mục tiêu:

- Nâng cao thời lượng và chất lượng các chương trình truyền hình về nội dung, kỹ thuật, nghệ thuật và hình thức thể hiện, tăng cường tính toàn quốc và toàn diện của các chương trình truyền hình quốc gia.

- Hình thành mạng truyền hình toàn quốc từ trung ương đến địa phương với cơ sở vật chất, kỹ thuật được đổi mới và hiện đại hóa phù hợp với xu thế phát triển của thế giới, đáp ứng về cơ bản yêu cầu xem các chương trình truyền hình Việt Nam ở trong nước và ở một số khu vực cần thiết trên thế giới.

2. Về quy mô:

Đến năm 2000 ít nhất Đài Truyền hình Việt Nam phải phát liên tục các chương trình từ 6 giờ đến 23 giờ hàng ngày, trong đó các chương trình do trong nước sản xuất phải chiếm 50% thời lượng phát sóng với chất lượng tương đương trình độ các nước phát triển cao trong khu vực. Ngoài chương trình truyền hình địa phương, phải bảo đảm ít nhất 80% số hộ gia đình được xem chương trình truyền hình quốc gia; tỷ lệ này phải được bảo đảm kể cả ở vùng núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới và hải đảo. Chương trình truyền hình đối ngoại phải phát được tới một số khu vực tập trung cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

3. Về các nguyên tắc thực hiện:

- Các chương trình truyền hình phải nhằm cung cấp nhanh chóng và chính xác đến mọi người dân những thông tin về đường lối, chính sách và pháp luật của Đảng và Nhà nước ta, góp phần nâng cao dân trí, trình độ thẩm mỹ của nhân dân, đấu tranh chống các âm mưu và hoạt động của các thế lực thù địch. Nội dung chương trình cần phong phú, đa dạng, có sự cân đối, hài hòa giữa nội dung thông tin, giáo dục và giải trí, giữa các chương trình sản xuất trong nước và các chương trình có chọn lọc của nước ngoài. Cần phối hợp với ngành Điện ảnh để nâng cao thời lượng và chất lượng phim Việt Nam chiếu trên truyền hình. Cần có thêm các chương trình bằng tiếng các dân tộc ít người.

- Từng bước hiện đại hóa một cách đồng bộ các thiết bị sản xuất chương trình trong toàn ngành, tiến tới đạt tiêu chuẩn quốc tế để có thể trao đổi chương trình truyền hình với các nước trên thế giới. Nghiên cứu, triển khai áp dụng các kỹ thuật và công nghệ truyền hình mới phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh Việt Nam.

- Xây dựng hệ thống truyền dẫn và phát sóng truyền hình quốc gia và địa phương trong một